

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST

Ngày 12- 8 - 2020

Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thành – Ông Phan Tiến Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hương – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 205/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 về việc: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; vắng mặt.

Địa chỉ : Tổ 6, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Anh Mai Văn T (Mai Quang T), sinh năm 1973; vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 6, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Hiện đang chấp hành án tại phân trại số 2 Trại giam H thuộc Bộ Công an đóng trên địa bàn xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Mai Văn T (Mai Quang T) có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 18 tháng 7 năm 1994 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 5 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm. bản thân anh Tuyến nghiện chất ma túy nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã tự

hòa giải, hai bên gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không khắc phục được. Do anh T vi phạm pháp luật nên đang phải chấp hành án phạt tù tại phân trại số 2 Trại giam H thuộc Bộ Công an. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Mai Ánh T, sinh ngày 09/02/1995 và Mai Quang T, sinh ngày 09/11/2000. Hiện các cháu đã thành niên nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng do đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam H thuộc Bộ Công an nên anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và có ý kiến không đồng ý ly hôn với chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Mai Văn T (Mai Quang T). Chị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm; chị H, anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Mai Văn T (Mai Quang T) có hộ khẩu thường trú tại tổ 6, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Đây là vụ án về tranh chấp “Ly hôn” nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, bị đơn anh Mai Văn T (Mai Quang T) đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến gì về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng mà nguyên đơn đưa ra, chỉ có ý kiến không đồng ý ly hôn.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó; Hội đồng xét xử lấy yêu cầu

khởi kiện, lời trình bày và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Mai Văn T (Mai Quang T) trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh T nghiện chất ma túy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải, hai bên gia đình đã khuyên bảo hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không khắc phục được. Do anh T vi phạm pháp luật nên đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam H thuộc Bộ Công an. Mặc dù anh T không đồng ý ly hôn, nhưng anh T không đưa ra được biện pháp nào khắc phục để khắc phục tình trạng mâu thuẫn vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Mai Ánh T, sinh ngày 09/02./995 và Mai Quang T, sinh ngày 09/11/2000. Hiện các cháu đã thành niên chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị H, anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Mai Văn T (Mai Quang T).

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0006449 ngày 25/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (chị H đã nộp đủ tiền án phí).

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, anh Mai Văn T (Mai Quang T) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Yên Bái;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND phường Yên Thịnh, TP Yên Bái;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyền

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Yên Bái;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND phường Yên Ninh, TP Yên Bái;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Tuyền

